



huāng yuán

荒原

noun · wilderness; wasteland

Example Sentences

zhè piàn huāng yuán shàng jī hū méi yǒu rén yān
这片荒原上几乎没有人烟。

There is almost no sign of human life on this wilderness.

tā men zài huāng yuán shàng dā qǐ le zhàng péng
他们在荒原上搭起了帐篷。

They set up tents on the wasteland.

Trace each character, then write the word on your own.

荒	荒	荒	荒	荒	荒	荒	荒	荒	荒	荒
荒										
原	原	原	原	原	原	原	原	原	原	原
原	原									